Số: 676/2019/QĐST-HNGĐ *Thành phố H, ngày 24 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 527/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1981; Địa chỉ: T, phường T, thành phố H, tỉnh Th.

- Bị đơn: Anh Nguyễn X, sinh năm 1980; Địa chỉ: T, phường T, thành phố H, tỉnh Th. ĐCLL: Trường THPT Nguyễn T, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn X thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị B và anh X xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn X, sinh ngày 18/4/2006 và Nguyễn Ph, sinh ngày 10/9/2011, hiện đang ở với chị B. Khi ly hôn, anh X và chị B thỏa thuận giao cả 2 con cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh X không cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị B và anh X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị B và anh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

2.4. Về án phí: Chị B và anh X phải chịu 150.000 đồng án phí giải quyết ly hôn (mỗi người chịu 75.000 đồng) nhưng hai đương sự thỏa thuận chị Bắc chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/008740 ngày 20/8/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Trả lại cho chị B 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TH;*
- *VKSND TP. H;*
- *Chi cục THADS TP. H;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường T, TP H.(ĐKKH số 132 ngày 14.9.2005);*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu dán án.*